

TRITÂN

TẠP CHÍ

知新
雜誌

Giá 1\$20

Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa năm thứ nhất

Ung hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam

TIN NHẬN BẮC

Trong buổi bế mạc Tuần lễ Văn Hóa hôm 14 tháng chín bác sĩ Nguyễn tấn Gi Trọng có thay mặt anh em Nam bộ nói mấy câu cảm tưởng về việc kháng chiến của đồng bào trong ấy.

Bác sĩ đã nhắc lại cái dĩ vãng đau đớn của lịch sử cách đây hơn 80 năm, lúc Nam-kỳ lục tỉnh thất thủ kinh lược sứ Phan thanh-Giản xuống thuốc độc tự tử và hai câu thơ đầy nỗi căm hờn, của nhà ái-quốc ấy.

Ái Bắc ngày trông tin nhận vắng

Thành nam đêm quạnh tiếng quên sầu

80 năm trước đây, Phan thanh Giản đã mòn con mắt trông về phương Bắc mong binh cứu viện, ngày nay sự thế Nam bộ lại trở lại hoàn cảnh cũ, nhưng đồng bào Nam bộ đã không quá thất vọng như Phan thuở trước vì ngày nay tình đoàn kết chỉ có một, chỉ có một dân tộc Việt nam tranh đấu nền độc lập, tranh đấu với nạn xâm lăng và sau chúng ta còn có một hàng ngũ, cả một mặt trận dân tộc cách mệnh giải phóng toàn thể giới, cả mặt trận toàn dân chủ, chúng ta là người đi đúng trào lưu thuận giòng lịch sử, chúng ta phải thắng những quân phát xít xâm lược trái mùa.

Từ Bắc vào Nam đâu đâu cũng nổi lên phong trào ủng hộ kháng chiến của đồng bào Nam bộ.

Cái tinh thần tranh đấu ấy mỗi ngày một rõ rệt nhiều tấm gương sáng đã thấy trong buổi bế mạc, trước « Đại kháng chiến » dựng tại nhà hát lớn Hà-nội. Nay đây một anh em bán báo cả ngày thu thập được vài hào cũng sẵn leo lên đại bô môn tiền nhỏ vào quỹ kháng chiến.

Này đây bà hàng giòng thúng mủng đã nhẹ lòng vui vẻ ở chợ về trong lòng nhằm từ đồng bán đồng chịu mà cũng không quên rành một chút riềng, sây đắp nền kháng chiến.

Còn gì cảm động bằng ông lão hành cước, chân tuếp, khăn eao manu áo không đủ chụm lấy tuấn mà cũng cố leo lên đài kháng chiến bỏ cái môn tiền mà người ta đã cho trong ngày.

Còn nữa... còn bao nhiêu trẻ em đã nhận quà sáng, bao bà nội trợ bớt tiền ăn, bao nhiều anh em lao công rút số lương tháng tâm tâm niệm niệm, kính kính cần cần để góp vào đại kháng chiến, không phải để mua danh mà chính là làm một phần sự trong phạm phi một người tôi con của đất nước này.

Hỡi những tấm lòng vàng! Hỡi những nhà hàng tâm vô danh! chỉ một cái tinh thần kháng chiến, của các bạn, của các bà, của các em đủ .o rằng 25 triệu đồng bào bao giờ cũng sẵn sàng hi sinh cho Tổ quốc.

Tổ-quốc chúng ta đang bước vào giai đoạn rất nguy nan của lịch sử, từ trước chưa từng thấy chỉ gậy sắt, chỉ không lâu nếu ta không hết lòng tranh đấu thì gang sơn ta bị gậy đập, thân ta bị nỏ lẹ đặt được chân lên Saigon quân xâm-lạc đã có cái thế vào được đất nước ta ; Saigon, Hà-nội nào có cá h xa chi, bài học lịch sử đã cho ta trông thấy rõ, số phận ta cũng đồng với số phận đồng bào Nam bộ, phương chi, máu chảy ruột mềm, cáo thác mà chồn buồn lẽ nào chúng ta ngờ đi được.

Trong khi các anh em Nam bộ mong chờ tin ngoài bắc thì chúng ta ở đây bằng ngày cũng ngóng ngóng muốn rõ tình thế trong nam mấy triệu trái tim cùng đập, cũng hồi hộp, hờn thiêng sông núi cũng như lòng chúng ta cũng phải cảm thông trong cái giờ phút « một còn một mất này ».

Hỡi đồng bào Nam bộ! Tin nhận Bắc rộn nhiều, các bạn sẽ chờ lớn, Nam bắc chỉ là một thôi!

NGUYỄN-TUÔNG-PHƯƠNG

Sứ mệnh về ai?

KIẾN-XUONG

Trong khi đồng bào Nam bộ đang kháng chiến anh dũng, đòi xương máu để giành lấy từng tấc đất, thì lại có những kẻ Việt Gian hòng âm mưu đi đến một sự đầu hàng thoả hiệp. Mà những tên ấy lại là bọn có học — mới theo lối cũ — là bọn có ngấm lòng mẹo vào mồm. Không biết chúng mất trí khôn hay chúng định hy vọng cái gì mà gồm thế. Chúng tưởng lại theo cái đường lối tiến thân của bọn Việt gian 30 về trước được chăng? Chúng lại định làm trung gian cho giặc ngoài để đàn áp dân chúng mà mưu lợi được chăng? Nếu thế thì chúng ngu đại quá. Lợn sứt không có bao giờ trở lại, mà những sự kiện lịch sử cũng không hề nhắc lại bao giờ. Bọn thực dân là bọn đã lấm nhẵn bát thối họ còn học gì. Chúng ta hãy nhìn lại dĩ vãng xem cái lối nó khủng bố và hung hốt phong trào cách mệnh.

Lúc quân Pháp mới đặt chân đến đây. — Từ lúc quân Pháp đặt chân đến đây, không lúc nào là không có phong trào cách mệnh, song tùy theo hoàn cảnh kinh tế chính trị trong nội bộ và quốc tế và tùy theo thủ đoạn đàn áp của chúng mà mỗi phong trào nhuộm một màu sắc và có những phần tử tiên phong khác.

Vẫn biết, dưới cách thực dân, người Việt Nam lúc nào, và nơi nào cũng muốn làm cách mệnh. Cuộc cách mệnh nào cũng là khẩu hiệu chung của nhân dân toàn quốc, song tùy theo tình thế trong đám nhân dân sẽ có những người bị áp bức nhiều ít mà có những phần tử khác nhau và kết quyết thứ bậc khác nhau.

Lúc sơ khởi, những người nhận thấy sự áp bức đầu tiên là ai? Nếu không phải là triều đình đang chấp chính ở nước Nam hồi ấy Cho nên cuộc thông cảm láng do nhà vua đều khiển, những phần tử kiên quyết nhất là vua Hàm Nghi Tôn tử út Thuyết, quân Pháp tìm cách triệt bỏ những người ấy và theo sau, chúng dùng lối lừa lọc, vờ vờ chiêu đãi ách vua kế tiếp Song Thành Thái Duy Tân, — đại biểu của quốc gia và phần tử tiên phong của dân tộc trong gia, đoạn bấy giờ — vẫn không quên cái ý định phần tâm lược và thu hồi linh hồn. Quân Pháp vẫn trở cù, lại khủng bố, và lại tìm cách vờ chiêu đãi và gài mìn sát các triều đình sau một chỗ hơn.

Xã hội ta lại tiến lên một bước. Các bậc dân an trơ ngốc, lại có lớp sau nữa nữa, phong trào Cần vương do sĩ phu hướng dẫn bùng bùng như lửa cháy mười

mấy năm trời dòng đã quân Pháp phải long dong vất vả, mới kiếm chỗ được cái phong trào Cần vương ấy, thì bật nổi lên cái phong trào đông học cũng vẫn do phái sĩ phu hướng dẫn.

Biết rằng cái dòng máu cách mệnh của dân tộc này không lúc nào là ngừng một phút chúng không bỏ các phần tử cách mệnh tiên phong, một mặt chúng tìm cách mua chuộc những người còn do dự. Ta đã thấy những tên Việt gian, Hoàng Nguyễn, làng từng làng từng xóm, ép các sĩ phu, và cô là từ đệ ra học tập, bỏ dụng cụ này chứ không để mua chuộc và hung hốt phong trào.

Song phái cựu học tàn đi thì phái tân học lại nổi lên. Trong những cuộc vận động từ năm 1925 đến nay kéo dài liên miên. Ta đã nhận thấy những phần tử thanh niên rí rức bao giờ cũng là những linh tiên phong trong các sự cách mệnh. Cũng vẫn thế toan và mách lới các cách mệnh, mà Pháp lại không bỏ là mua chuộc. Chúng không bỏ đơn hàng ngấm vào hàng vạn người ta đây và ở đó, và chúng mua chuộc bằng trăm nghìn cách để

(Xem tiếp trang 17)

VIỆT-NAM VĂN-HOC-SÚ

36 21

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

Chương trên (tr. 198-208) ông Dương Quảng Hàm nói về văn-sĩ và thi-sĩ Tàu có ảnh-hưởng lớn đến văn chương Việt-nam, rồi dẫn ba ông, là Khuất Nguyên, Đào Tiềm, Lý Bạch, rồi đã nói ở kỳ báo trước. Đến chương này (tr. 209-218) dẫn hai ông, là Hàn Dũ và Tô Đông-phá. Sở dĩ dẫn có năm nhà văn thơ như thế, là tại ông theo chương trình của nhà học chính thể. Cứ thực ra, cái ảnh-hưởng của văn-chương Tàu, không những chỉ có năm ông ấy mà thôi; Xem bộ *Cổ-văn hợp tuyển* của Tàu, mà ngày xưa ta in lại để học tập, thì ngay đời Khuất-nguyên có Trang Chu, là tổ một học phái, sách của Trang như *Nam-hoa kinh* bên nước ta cũng có học. Ngay ở Đào-Tiềm có Vương Hy chi, ngang với Lý-Bạch, Hàn-Dũ có Đỗ-Phủ, Liên-Tồn-Nguyên, ngang với Tô đông phá có Trang Củng, Chu-Hy, Ân-duong tu, v. v. Văn học của các bậc đại-vĩ ấy là ca, phú, luận, truyện, ca từ, khúc, lý, truyện, chầu, cổ, bèo, luận, như của Tàu. Ấy đại-khái cái ảnh-hưởng của văn chương Tàu sang ta là thế.

Ông Hàm chỉ nói những nhà văn thơ Tàu « có ảnh hưởng lớn nhất đến văn chương » ta, nhưng ông không nói một lý gì đến « ảnh hưởng ». Như chương này ông chỉ kể lại thân thế, tư-tưởng và văn-

chương của Hàn Dũ và Tô - đông-phá: Tôi tưởng nên bàn qua đến văn chương của năm ông ấy ảnh hưởng sang nước ta như thế nào.

Văn của ta bắt đầu có từ đời Lê Đại-Hành (980-1005) sai mấy ông sư ra học họ sử Tàu và làm bài ca-khúc để tiến sứ Tàu. Đến đầu đời Lý (1010) có bài chầu thiên đô, trong đời Lý mở khoa thi, thì các lối văn của Tàu mới bắt đầu học tập. Qua đời Trần (1225-1413) văn-chương đã tiến bộ, đến đời Hậu-Lê, nhất là vào khoảng Lê-Trầnh-tông (1463-1497) văn-chương có thể gọi là toàn thịnh. Hiện nước ta có bộ *Hoàng-Việt văn tuyển* cũng như *Cổ-văn hợp tuyển* của Tàu, *Toàn-Việt văn-lục* của ta cũng như *Buồng-thi hợp tuyển* của Tàu. Cuối đời Lê có nhà họ Ngô ở Thanh-oai (Hà-dông) làm ra mấy tập *Ngô-gia văn-phái*, đủ các lối thơ, ca từ, khúc, lý, truyện, chầu, cổ, bèo, luận, như của Tàu. Ấy đại-khái cái ảnh-hưởng của văn chương Tàu sang ta là thế.

Nay thí dụ một hai bài để đọc giả xem. Văn của Khuất Nguyên riêng một lối Sở-từ, nghĩa là mỗi câu có chữ « ừ » đệm ở giữa, *Cổ-văn* của ta có trích tám sáu bài chép vào quyển nhất. Trong *Ngô-gia văn-phái* có

bài *Đại nghị Bái-xuyên-hầu lễ mỗ* văn. « Văn nghị tở Bái-xuyên-hầu lễ mỗ », mở đầu có câu: « Phương vụ-tính chi huyền thái hồ, hốt sóc phong chi kinh sự; trường âm dương chi quái các hồ, ta xảo tạo chi sâm si / » ng ta là « Trường sao vụ-tính sáng rực rỡ, chợt gió bất thình lnh-lung; ngắm nhìn âm dương cái h bất thần ở tạo hóa kẻ « o la / » (Trích *Ngo phong văn*, tập bản sao ở Bắc-cố, số A 417, q. 2, tờ 18a) Lại bài *Đông-truyện* « nuôi chí vọng » của Lý Tử-lân cũng lối Sở-từ, mở đầu có câu: « Đại hân hoàng chi phú dữ hồ trước thanh trơ chi bất đồng, hoặc tuấn triể nhi tởng tuế hồ, hoặc không đồng nhi chuyễn-mông; trước đã xảo nhi cựu nhược truyện hồ, thu đợc thốc n / p u ông ... » nghĩa là « Kia trời ả phú cho ta, có người thanh người trơ, không giống nhau: hoặc có người sáng suốt mà thôn minh; hoặc có người ngo ngẩn mà ngu si; chim trời khéo quá mà chim cưu hóa vụng; chim thu xấp xỉ mà chim phũ hóa đẹp » (*Hoàng-Việt văn tuyển* q. 1, tờ 13 a).

Bài *Qui khứ lai từ* của Đào-Tiềm ảnh-hưởng sang văn-chương ta vào những bài như *Côn sơn ca* của Nguyễn-Trãi. Đọc câu « Côn sơn hữu tuyết, kỳ thanh linh linh nhiên; dư dĩ vi cẩu

huyền. Côn-sơn hữu thạch, vũ
lây dài phò bích; dư dĩ vị đàm
tịch. Nam trang hữu tùng, vạn
cá thuy đồng đồng; ngô ư
thị hồ yên tức. kỳ trung. Lâm
trung hữu trúc, thiên mẫu ấn
hàn lục; Ngô ư thị hồ khế
vĩnh kỳ trắc. nghĩa là « Côn-
sơn có suối, tiếng kêu róc-rách,
ta cho lá tiếng đàn. Côn-sơn
có đá, mưa sạch rửa biếc ta
cho là chiếu chẵn. Giữa núi có
cây thông, muôn tán long cao
ngất, bấy giờ ta nghĩ ngơi ở
trong. Giữa rừng có cây trúc,
ngập mầu in mầu lục, bấy giờ
ta nằm vĩnh ở bên » (bài Côn
sơn ca, trong Hoàng-việt văn-
tuyền, q. 1, từ 20 b), so với
câu trong bài Quê-khứ-tai, từ
mà ông Hàm chép ở trang 20b:

Dưới khe nọ nước vòng uốn
éo, Bên đường kia gò kéo
gập ghềnh; Cỏ cây môn-mởn
màu xanh, Suối tuôn róc-rách
hên ghềnh chảy ra, ... thì có
phải rõ ràng ta chịu cái ảnh
hưởng văn Tàu nhiều lắm
không?

Bài - Phóng cuồng ca của
Trần quốc fang, mở đầu có
câu: « Thiên địa đều vọng hê,
bà mang mang? trượng sách
xu du hề, phương ngoại
phương! Hoặc cao cao hề,
vân trí sở; hắc hân hân hề,
thủy chi dương. Cơ tắc san hề,
hoà la phạm khốn tặc miên
hê, hà hữu nưon Hưng thời
suy hề, vô không dịch; tinh xư
phần hề, giải thoát hương.
Quyện hên-ấn hề, hoan-hỉ
địa; khát bão say hê, liên

dao thang... nghĩa là « Trông
xa trời đất mông-mênh biết
chừng nào! Chông gậy đóng
chơi ở ngoài cõi đời! Hoặc
cao cao là mây trên núi; hoặc
sâu sâu là nước ngoài bể. Đói
thì ăn, cơn đầy măm; mệt
thì gặp cây nằm đấy. Lúc hừng
thú thì thôi sao không lờ; (có
lẽ thôi bằng tay), hơi ứn-miền
thì đốt hương gả thoát. Mỏi
thì nghỉ một chút ở nơi hoan
hỉ; khát thì uống no thang
lược thể dao... » Đoạn ấy
phóng-kông thả-thả như thơ
Ly-Bạch

Còn Hàn Dĩ và Tô Đông-phạ,
ảnh-ưởng sang vớ ta cũng
sâu xa lắm. Hàn Dĩ bài-xích
Phật Lấp đề d. y-tri đạo nho;
thì bên ta có những bậc văn
chương d. nghiệp như Lưu-An
là bậc Nho ông. Từ rạc-hau
Sêu là người bài-xích di đ. an
Bất-hi-sý chùa Khai-nghêm,
(xã Vọng-nguyệt, huyện Yên-
phong, tỉnh Bắc-nghệ) của
Trương-sáu-Sieu m. dĩ dĩ rằng:
« Bất ra tượng đề dạy người,
là họ Phật-d. cho người ta
phương tiện. Muốn cho những
kẻ ngu không biết gì, mê không
tỉnh ngộ, lấy đó làm nơi hồi
hướng b. n-nghiệp (tr. ien-quả)
từ từ bỏ dần dần g. q. iệt
lạm m. i. cái b. i. y khổ-hạnh
hư-không. Cốt ch. i. n những
nơi danh-viền tráng cảnh, rồi
sửa sang đẹp đẽ, tụ họp t. i. g
chúng, những bọn hào-nữ
lưu-tục bấy giờ, lại theo mà
hưởng-ứng, cho nên phẩm
những nơi danh-tiếng, quá nửa

làm chùa. Không cần mà xu-
không d. i. mà m. i. e, bọn thất-
phụ thất-phụ bỏ nhà bỏ làng
đi theo rất nhiều. O. i. Cách
K. i. ong-học càng xa, thì đạo học
không rõ rệt; người làm thầy
làm trường đã không được như
Gau-công Ta-phi công để chỉnh
d. i. n phong-hóa, chốn Châu-lư
hương-d. i. g, lại không, có
nhà-trường (trường tỉnh) nhà
tự (trường làng) để dạy về nghĩa
hiếu-d. i. e. Những người ấy sao
c. i. i. g mau mau ngộ đi đường
k. i. e? Cũng là thế sự nhiên... Nay
vừa gặp Thích-đ. i. i. a, ta muốn
đem hoàng-phong d. i. e của cái
phong-tục d. i. e-b. i. e, di-d. i. e nên
tr. i. e, chỉnh-n. i. e nên thơ, làm
người sĩ và đại-p. i. e d. i. e bấy giờ
không phải đạo Nghiêu Thuấn
không b. i. e, tỏ ra trước, không
phải đạo Khổng Mạnh không r. i. e
thuật viết gì cứ khu-khu nói
nhiều về họ Phật » (H. i. e-v. i. e
văn-t. i. e, q. 2, từ 30 b).

Một bài văn bia ở chùa m. i.
Trương-sáu-Sieu nói những câu
b. i. e Phật như thế, cũng chẳng
khác gì « bài biếu can sự d. i. e
s. i. e. Phật » của Hàn-Dĩ, ông
Hàn đã d. i. g ở trang 211. B. i. e là
từ tưởng của Hàn-Dĩ làm m. i. e
sang ta như thế. Còn công v. i. e
của Hàn-Dĩ, thì bên ta có việc
Ng. i. e. Tuy là làm văn n. i. e r. i. e
s. i. e Phật lương ao cá s. i. e p. i. e
đi (?), Á- i. e- i. e thì nh. i. e. i. e
đ. i. e m. i. e câu ở bài Nh. i. e nh. i. e
đ. i. e k. i. e của Phạm Thạch-d. i. e
như sau này: « B. i. e b. i. e d. i. e là
vườn tập-b. i. e, c. i. e v. i. e i. e ao

(Xem tiếp trang 20)

Trong cuộc hội đàm với các nhà báo
ông Bộ trưởng bộ Nội-vụ đã nói về :

GUÔNG MÁY- NỘI TRI

VÀ HÀNH CHINH CỦA CHÍNH PHỦ

PHẠM-MẠNH-PHÂN



Tại đình nội vụ của Bắc bộ, chiều hôm 16 - 10 - 1945 đã có cuộc hội nghị của 23 đại biểu báo giới, hàng ngày và hàng tuần ở Hà - nội với ông Bộ trưởng nội vụ Võ-nguyên-Gáp.

Chính sách liên hiệp. Quốc gia

Treo lời ông Bộ trưởng, hệu giờ chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa theo đuổi một chính sách rõ rệt : chính sách liên hiệp quốc gia mục đích để tự nên sự đoàn kết của toàn quốc không phân biệt đảng phái, chống nạn ngoại xâm mà giữ vững nền độc lập hoàn toàn.

Giai cấp — Chính phủ không hề nhắm bỏ một giai cấp nào mà không săn sóc tới quyền lợi của từng giai cấp một-Hà tầng lớp người ở xã hội là lớp thành thị và lớp thôn quê đều đã hưởng ứng chính sách của Chính phủ.

Hai tư bản và phá — ông thương đã bắt đầu nỗ lực kinh doanh : lập ngân hàng, mở mang các nhà kỹ nghệ — Phái hữu nông và phái địa chủ đã bắt đầu tin nhiệm vào Chính phủ. Tất cả quyền lợi của các tầng lớp nhân dân đều được săn sóc tới.

Dân tộc — Tất cả các dân tộc đều ở đất nước này đều liên hiệp một cách triệt để — người Việt nam, Thổ Mán, Khơ chi (thà mèo đen) Mường ở Hòa-bắc, Mạ ở Trung kỳ, Mạ Kintum đều coi nhau như anh em một nhà và đoàn kết chặt chẽ để chống lại sự áp bức Nhật và sự áp bức Pháp.

Dân mại Hà đô đã hợp tác với các nhà cách mệnh mà chống lại với bọn thực dân — Tại Kon-tum cả có người Mạ làm Chủ tịch ủy ban nhân dân.

Tôn giáo — Chính phủ giải quyết sự xích

mich giữa các tôn giáo : Phật giáo và Lương giáo. Ở Nam kỳ chính phủ đã sai lãnh đạo Cao-Đài và bọn Việt gian vì họ đã kết liên với Nhật mà chống lại Chính phủ. Nhưng gần đây những người trung đạo đó đã giác ngộ và đã xé cánh chong các người đạo khác mà ủng hộ nền độc lập của Đ quốc.

Đảng phái — Tất cả các đảng đều sẽ liên hiệp dưới ngọn cờ cứu quốc. Chính phủ hiện thời gồm có những người trong đảng Việt Minh những người ở các đảng khác và những người không có đảng nào. Chính phủ đã cho cải tổ các Ủy ban nhân dân Trung bộ và Nam bộ để đón tiếp các nhân tài ngoài mặt trận Việt Minh. Đứng trên lập trường liên hiệp quốc gia, Chính phủ không hề vì óc đảng phái mà sao nhãng việc thu nhập các phần tử cách mệnh hữu ích cho quốc gia. Đối với những kẻ cầm đầu các đảng thân Nhật thân Pháp để lợi dụng quần chúng hại nước hại dân Chính phủ sẽ nghiêm trị ; đối với những đảng viên khác lạc đường, Chính phủ sẽ khoan hồng mà tha thứ.

Chính phủ cương quyết thi hành đến triệt để chính sách quốc gia liên hiệp. Những sự nhúng nhàm và sai lầm của một số Ủy ban nhân dân tại các làng đã được cảnh cáo và sửa chữa.

Hiện giờ có một số người cách mệnh quá khích đưa ra những chủ trương quá tả có thể chia rẽ các giai cấp trong xã hội và giảm sức kháng chiến của đồng bào. Thật là một điều đáng tiếc. Những phần tử quá khích ấy nên nhận rõ hiện tình của nước nhà mà cùng Chính phủ làm thực hiện nền độc lập hoàn toàn.

(Xem tiếp trang 14)

Sử-liệu

NHỮNG Ý-KIỆN VỀ SỰ DUY-TÂN

và bảo vệ nước ta về cuối đời vua Tự Đức

NGUYỄN THIỆU LẬU

L.T.S. — Chúng tôi không cần giới thiệu giáo sư Nguyễn Thiệu Lậu với các bạn đọc trong giới tri thức, vì ông Lậu đã từng viết giúp báo Thanh Nghị và nhiều báo khác ở đây.

Ông là một nhà học giả. Vốn yêu tôn chỉ Trĩ-Tân, từ nay ông sẽ cùng chúng tôi góp một trên văn đàn để làm biệc cho văn hóa nước nhà.



Về cuối đời vua Tự Đức hay nói cho rõ ra, sau khi người Pháp đánh phá và bắt ta phải nhượng cho họ ba tỉnh ở Nam kỳ (sau năm 1862) ở nước ta đã có nhiều người, hoặc là quan hoặc là dân lo đến sự sự duy tân lên văn-minh tinh-thần và vật-chất của ta.

Không phải là họ đã biết rõ văn-minh Thái-tây hay như thế nào nhưng hoặc họ đã giao thiệp với nhiều người Thái-tây ở xứ ta, hoặc họ đã đi ra ngoài đương — đi sang Pháp hay sang Hương-cảng — hoặc đã đọc các sách Thái-tây dịch ra chữ Hán, nên họ đã lĩnh-hội được ý-kiến chính là nước ta phải sửa đổi nhiều. Họ lại càng tin tưởng ở các ý-kiến đó sau khi mà sự giao-thiệp giữa nước ta với nước Pháp trở nên gay go: theo ý họ tuổi sự duy-tân nước ta, sự cộng tác với nước Pháp — sau khi mới có ba tỉnh ở Nam-kỳ phải nhượng — là cách giữ vững cho nền độc

lập ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ. Họ đã muốn cộng-tác với nước Pháp vì đó là một phương-kế giữ nước và một phương-kế duy-tân nước-ta. Họ lại còn muốn cộng-tác với nhiều nước Thái-lây nữa cũng vì hai lý do trên.

Họ đã đứng về hai phương diện có liên-lạc mật thiết với nhau: ấy là duy-tân nước ta và giữ vững nền tự-chủ.

Những người đó là ai?

Sự học và sự biết của họ như thế nào mà họ lại có óc « tiến-tiến » như thế?

Họ đã làm quan, là người thương-dân hay là người theo đạo Thiên-chúa?

Họ đã có những bài « diễn văn » gửi lên quan, lên vua như thế nào?

Nhà sử-học sẽ xét các bài « diễn văn » ấy về hai phương diện

1) Phương-diện duy tân sự là,
2) Phương-diện phòng bị nước ta để giữ nền độc-lập ở Trung và ở Bắc hai kỳ, sau khi mà xứ Nam-kỳ đã phải nhượng cho người Pháp.

Đầu đề sử học này rất quan trọng, cần xét kỹ. Nhưng không phải là một công việc dễ dàng nếu ta muốn khảo-cứu cho đầy đủ.

Ta lại còn xét xem Triều đình đã đối với các bài diễn văn ấy như thế nào. Tại sao mà đã không cho thi-hành sự duy-tân? Hay đã thi-hành ra làm sao?

Giả-sử mà nước ta tự mở rộng cho văn minh Âu-tây tràn vào thời bấy giờ tình hình chính-trị và văn-hóa của ta ra sao?

Tôi trình bày sau đây một ít tài liệu để độc-giả tạm hiểu qua về vấn đề này:

Năm Nhâm Tuất 1862, tháng tư, ta nhượng cho nước Pháp ba tỉnh Biên-hòa, Gia-định và Định-tường.

Năm sau (1863), tháng ba, Nguyễn-trường-tập-nhờ Trần-tuân-Tuần, Binh-bộ Hư-ông-thư dâng lên vua Tự Đức bài diễn văn Trách nhiệm và ba bài

(Xem tiếp trang 11)



36 72

Ung-học NGUYỄN-VAN-TỐ

XI. — Lý Cao-tông

Tháng bảy năm Ất-vị 1175, thái tử Long-Trát lên ngôi hoàng-đế ở trước cửa Anh-tông. Năm ấy Long-Trát mới ba tuổi, tôn mẹ là họ Đỗ làm Chiêu-thiên hi-lý hoàng thái-hậu. Cho Đỗ an-Dì (là em họ thái-hậu, tức cậu vua Lý Cao-tông) làm thái-sư đồng-bình-chương-sự. Cho Tô-hiến-Thành làm thái úy. Hợp người trong nước thề ở sân rồng (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 4, tờ 17 b). *Khâm-định việt sử thông-giám cương mục* (q. 5, tờ 18 b) chép: Hợp quần thần thề ở điện Thiên-an.

« Tháng giêng năm sau (1176) đổi niên-hiệu là Triết-phù, đại-xá thiên-hạ » (*Toán-thư*, q. 4, tờ 17 b, *Khâm-định*, q. 5, tờ 15 b). Sử-thần Ngô-sĩ Lân có bài bàn khen rằng: « Cao-tông lên ngôi từ tháng 7 năm trước, đến năm sau mới cải-nguyên. Có Tô-hiến-Thành phụ chính, cho nên bắt theo cổ-lễ » (*Toán-thư*, q. 5, tờ 18 a, *Khâm-định*, q. 5, tờ 19 a).

Năm thứ hai (1177), Chiêm-thành vào cướp châu Nghệ-an. Năm thứ ba (1178) tang vua Anh-tông mới hết. Chiêm-liên thái-hậu mới quần-thần suy yến ở điện riêng

nhân bảo rằng: « Nay Chiêm-thành vào cướp bóc, bọn man-nhân (*Toán-thư*, q. 4, tờ 18 a) chép là bắc nhân) quấy nhiễu ngoài biên. Tự-quân còn nhỏ tuổi, chưa chịu nổi toan nạn: ác người chịu ơn nước nhều, nên lo nghĩ về việc nước. Mưu-kế bây giờ, chỉ bằng lại lập Long Xưởng để yên xã-tắc, lòng dân có chỗ nhất định mà theo. Các người nghĩ thế nào? » (Đó là rai dã-âm của thái-hậu, lập người nọ bỏ người kia, muốn mượn cái cơ nước có trưởng-quân để thỏa chí mình. Được Tô-hiến-Thành là người phục binh giỏi, nên quần-thần không nghe thái hậu). Quần-thần đều cúi đầu nói rằng: « Thái-phó là bậc cố-mệnh đại-thần, bệ-hạ đã dụ mãi mà thái-phó không nghe. Chúng tôi đâu dám trái ». Tâu xong đều lay tạ, rồi lui ra. Lúc bấy giờ Tô-hiến-Thành coi oãu-binh, nghiêm hiệu lệnh, rõ thưởng phạt, thiên-hạ qui tâm, không ai có lòng khác. Long-Xưởng không dợ làm vua đem gia-thuộc đi trốn cướp càn đồ, rồi mưu loạn làm loạn (*Khâm-định*, q. 5, tờ 19 a-b).

Trong khi Tô-hiến-Thành còn sống, thấy chép hai việc sau này

là: việc tuyển lính và việc khảo-khóa các quan: « Tháng giêng năm kỷ-hợi 1179, tuyển những người trai tráng sung vào quân ngũ ». Đến « tháng ba năm ấy xét công nghiệp và việc làm của các quan: Những người có văn-học và tài-cán làm một loại; những người không thông văn-tự mà ở chức quan cần-mẫn làm một loại; những

người tuổi cao nết thuần, hiểu suốt việc xưa nay làm một loại; theo thứ tự mà bổ chức quan để trị dân và coi quản, từ bấy giờ, chức quan được xứng đáng mà không đến nỗi những lạm » (*Khâm-định* q. 5, tờ 19 b và 20 a, *Toán-thư* q. 4, tờ 18 b). Vua Tự-đức phê rằng: « Cổ lý dân tuổi cao hạnh thuần, hiểu biết việc xưa nay, mà không thông văn-tự? Lại cho ngang hàng với người văn-học tài cán, thật là buồn cười! Còn như rai trăm quan xứng chức, không ai những-lạm, cũng là lời khoe » (*Khâm-định*, q. 5, tờ 20 a, tăng trên). Xem như vua Tự-đức, có ý thiên về văn-học: chính trong sử cũng chia hạng tuổi cao nết thuần và hạng không thông văn-tự làm hai hạng khác nhau.

Đến tháng sáu ta năm 1179, Tô-hiến-Thành mất. Là bậc đại-thần trong nước, đời bấy giờ trọng, cho nên lúc mất, vua giâm cơm ba ngày, nghỉ châu sáu ngày. Nguyên khi Tô-hiến-Thành nắm giữ lòng bệ-hạ, chức tham-trì chính-sự là Vũ-tấn-Đường ngày đêm hầu bên cạnh, chức giám-nghị đại-phu là Trần-trung-Tá lúc

Ấy vì có việc đi nơi khác không ở đây. Đến khi bệnh nặng, thái-hậu tới thăm, nhân hỏi rằng : « Nếu ông không kiêng (tức như cho phép nói gở), thì khi ông mất rồi, ai có thể thay được ? ». Hiến Thành thưa rằng : « Trần-Trung-Tá có thể thay được ». Thái-hậu hỏi « Vì sao ? ». Hiến Thành thưa rằng : « Vì bộ-hạ hỏi ai có thể thay tôi, cho nên tôi đáp Trần-Trung-Tá ; nếu bộ-hạ hỏi đến việc hậu-thuộc-thang, chẳng phải Tân-Đường, thì còn ai nữa ? ». Thái-hậu khen là người trung, thế mà về sau không theo lời (Khâm-định q. 5, tờ 20 b, Toàn-thư, q. 4, tờ 18 b). Kéo ra Tân-Đường là người sتم-ngh, chỉ có thể phòng-nghe (đưa đón), không có thể giao cho việc trọng-dụng : Tô-hiến-Thành có cái tài năng-suốt biết người như thế (Đại-Việt sử ký, cái-lương, số A 1146, q. 2, tờ 42 b).

Tô-hiến-Thành mất rồi, Lý Cao Tông cho cậu là Đỗ-an-Đ làm phụ chính » (Khâm-định, q. 5, tờ 21 a), không thấy sử chép là giỏi hay dở, chỉ thấy chép thế thôi.

Đến « năm nhâm-dần 1182, phong Lý kinh-Tu làm đệ-sư. Kinh-Tu họ Đỗ, là người xã Văn Canh, huyện Từ-liêm, vua Lý cho quốc-tính là họ Lý. Cuối đời Lý Anh-tông 1175 Kinh-Tu được coi tào Binh, cùng với Tô-hiến-Tuân làm phụ chính, đến năm 1182 phong làm đệ-sư. Kinh-Tu bên trong thì hiền hậu chốn duy-ác (màn che),

bên ngoài thì dạy dỗ trung-hiến, cho nên từ bấy giờ trở đi Chiêu-linh thái-hậu không dám mạnh làm phe lập nữa (Khâm-định, q. 5, tờ 22 a).

Ngay năm ấy 1182, vua có ban chiếu tìm người hiền-lương (q. 5, tờ 21 b).

Năm Ất-y 1185, tháng g ông, thi nh-ong học-trò thi-hạ từ 15 tuổi trở lên người nào 1 ông Thi, Thư, sang vào ngự-diện để hầu vua học. K ea ấy lấy Bùi-quốc-K át (người xã Bình lăng, huyện Cẩm- iang tỉnh Hải-dương) và Đặng Nghiêm (người xã An đồ, huyện Tư-trì tỉnh Thái-bình), ba mươi người trúng tuyển (Khâm-định q. 5, tờ 22 b Toàn thư, q. 4, tờ 20 a). Đ-ang khoa lục (q. đầu, tờ 1 b) chép hơi khác, và bên tên ở g Đỗ-thế-Diên ở trên ông Khái như sau này : « Năm Ất-y 1185 hiện Trần-Phù thứ 10, mùa xuân tháng giêng, thi học-trò theo-hạ từ 19 tuổi (sử chép 15 tuổi), người nào thông Thi, Thư được vào hầu vua học ở ngự-diện, hai mươi người trúng tuyển (sử chép ba mươi người) Đỗ đầu là Đỗ-thế-Diên, người xã Cổ-liêu, huyện Đường-hào, phủ T-ợng-hồng, trấn Hải-dương. Làm quan đến chức chi-êu-nghi đại-phu, (thai-bộc, đại-ty-dõ, giữ chức đông-ri sảnh Nội-thị coi công việc cung Quảng từ, kiêm việc vận th-ẩm-phân, được mang đai thêu kim-ngư (cá vàng) chức thượng-ty-quốc, trí sĩ, phong phúc-th-ẩm. Nay làm phúc-thần làng Cổ-liêu ». Đ-ang khoa bị khác, q. Hải-

dương, (tờ 2 a) cũng chép như thế. Rồi mới đến Bà-quốc-Khái và Đặng-Nghiêm.

Năm quí-sửu 1193, lại thi học-trò vào hầu vua học (Toàn thư, q. 4, tờ 22 a). Năm Ất-mão 1195, thi học-trò về tam giáo là Nho, Đạo, Thích, ai trúng tuyển gọi là xuất-thần » (Khâm-định, q. 5, tờ 23, Toàn thư, q. 4, tờ 22 a).

Thế là việc binh bị, văn-học và khoa-khoa trong đời Lý Cao-tông chỉ thấy sử chép như thế. Còn việc giao-tiếp với các nước như sau này : « Tháng giêng năm bình-ngọ 1186, sứ nhà Tống sang phong Vua Lý Cao-tông làm An-nam quốc-vương, Từ năm giáp-thân 1184 đời Lý Anh-tông trở về trước, nhà Tống còn theo lệ cũ : lúc đầu phong làm Giao-cửi-quận vương rồi phong làm Nam-bình-vương, sau (từ năm 1164) mới phong làm quốc-vương. Đến năm 1186 sứ nhà Tống sang phong ngay cho Lý Cao-ông làm quốc-vương. Trong bài chế có câu rằng : « Tác lạc-quốc dĩ triệu phong, ký tòng thế-tập ; Cực Chấn-vương nhi tích mệnh, hà dĩ thứ th-ang », nghĩa là « Tác lạc-quốc mà được triệu-phong, từ xưa đã đời đời nối chức trước ; đáng Chấn-vương mà cho mệnh-lệnh, không đợi gì phải lần lượt gia th-ang ». Thế là có lẽ đặc biệt (Khâm-định, q. 5, tờ 23 a). Đến tháng bảy năm Ất 1186 Vua Lý sai Lê H-ó-Khanh đem phương vật sang sứ nhà Tống (Khâm-định, q. 5, tờ 23 a).

(Xem tiếp trang 15)

SỬ LIỆU

(Tiếp theo trang 7)

hoàn Thiên-hạ đại-thế-luận, Tế cấp luận, giáo-môn luận.

Năm Mậu-thìn 1868, tháng mười, giáo-dân Đinh văn-Điền người huyện An-mô tỉnh Ninh bình mật-tâu sớ-nghị như sau này:

Lập sở dinh-diễn; mở mỏ vàng; làm tàu hoả; nhờ người Thái tây qua dạy; kết với nước Anh làm viện; lập nhà thông thương hàng hoá; tha cấm binh thư, binh-pháp để cho người trong nước học tập; quân lính thời khiến chuyên tập nghề bắn bốt làm việc quân và thêm lương ăn để chúng được tập cho siêng, khi làm sự thời thưởng phẩm hàm cho hậu, từ trận thời xét con cháu mà dùng, tên nào bị tật thương thời cấp lương nuôi trọn đời.

Triều đình nghị rằng mấy điều ấy chưa hiệp thời thế bỏ qua không làm.

Đấy là tháng sáu năm trước (năm Đinh - mão 1867) người Pháp đã lấy nốt ba tỉnh Vĩnh an, An-khang và Hà-tiên ở Nam-kỳ rồi.

Năm Nhâm - thán (1872) tháng mười một, sầy việc Tà phồ Nghĩa (Jean Dupuis) ở Bắc-kỳ.

Năm sau (Quý - dậu 1873) tháng mười, An nghệp Francis (Garnier) đánh hãm thành Hà-nộ, Nguyễn tri Phương thất và giặc gả nôi lên ở nhiều nơi ngoài Bắc-kỳ.

Năm Ất - hợi (1875), tháng mười, Nguyễn hữu - Độ (chức Quản - lý thương - chánh và hải-phòng ở Bắc - kỳ) về Kinh, vào

chầu. Trong nhời điều trần lên vua có nói là « ngày sau chắc phải khai-khoáng, đến khi ấy xin phải nhiều người siêng năng thao việc hiệp với Đại pháp đốc làm, cốt khiến cho ta giữ lấy lợi quyền ».

Nhài kton phải, cho thăng chức chung bình như không cho thi hành nhời tâu ấy

Năm Kỷ - mão (1879), tháng năm, Nguyễn - Hiệp đi sứ Xiêm về.

Nhài hỏi tình - thế ở Xiêm, Nguyễn - Hiệp tâu như sau này:

« Chúng tôi tới thăm nước ấy khi trước có người nước Bút tu kê (Portugal) ở đó buôn bán thời tình-thế phương Tây cũng đã hơi biết! Đến khi nước Anh, đến cần thông - thương, nước ấy hòa với nước Anh, nên Anh không gây oán được. Vì thế đã không mất đất mà lại được giảng hòa với chín nước, Pháp, Ý (?), P. ô, Ý, Mỹ, Tây ban-nha, Hà-lan, Bút và Anh. Quốc Lãn sự thời cho Anh làm đũa, qua lại giao-tiếp không trở ngại gì cả mà nước Xiêm vẫn giữ quyền, người nước ngoài không hiếp cuố được. »

Nhời Nguyễn - Hiệp tâu thật đáng đề cho vua chú ý. Nhưng Ngài chỉ truyền rằng: « Bọn Nguyễn - Hiệp đi sứ chuyến này khó nhọc » và cho tùy bặc ban thưởng (1).

Năm Canh - thìn (1880), tháng sáu, Ngài khiến sứ qua cố g làm và điều - đình cuộc « Chiêu - thưng » nghĩa là nhờ nước Tàu giúp ta về sáng ống, tuy bề ngoài chỉ là một công cuộc buôn bán hương. (Tháng ba năm sau, người Tàu là Đường đình Canh đến kinh coi cuộc Chiêu - thưng.

Ngài khiến đãi yến ở Bộ Lễ và ban cho vật hạng.)

Năm Tân-tý (1881) tháng hai Hàn-lâm viện tu-soạn Phan Liêm mật tâu các việc như là: mở thương - cuộc hợp vốn đi buôn; mở các mỏ, học tập tiếng nói và kỹ-nghệ cơ-xảo ngoại-quốc.

Ngài khiến Cơ - mật duyệt lại. Rồi Cơ - mật tâu: « Khoản khai thương không tiện, còn các khoản kia xin tâu các tỉnh h ầu xét, có ai xin đi mở mỏ và đi học thời tâu về, sẽ nghĩ ».

Ngài ban rằng: « Kể lão-thành lo việc Nhữ nước, chẳng việc gì là « ăng xát » ý nhưng nên làm thế nào cho ngày càng tiến tới, nếu không thời tất phải lui. »

Theo hai tâu - liệu trên đây, ta nhận thấy là vua Tự đức, tuy đã phải nhượng cho nước Pháp cả xứ Nam-kỳ, vẫn còn có ý muốn, kháng cự vấ: còn trông mong ở sự giúp đỡ của nước Tàu. Ông không chiến của Ngài là lý chính làm cho Ngài không để ý đến các nhời điều-răn của các quan. (2) Tuy vậy Ngài cũng muốn duy tân nước ta nhưng có lẽ Ngài đã bị nhiệm quan tại-triều lác bầy giờ cỡ-hả quá làm cho Ngài không tin ở mình nữa.

Nhời Ngài dụ: « Làm thế nào cho ngày càng tiến tới, nếu không thời tất phải lui » tỏ cho ta biết ý Ngài muốn cải cách.

Tháng mười hai (cũng năm Tân-tý 1881), Khoa-đạo Lê Đình từ Hương-cảng về.

Ngài hỏi: « Có nghe thấy gì và người ta có nói đến việc gì ở nước ta không? »

Lê-Đình tâu:

« Các nước bên Thái-tây giàu

manh, chẳng qua nhờ việc buôn và việc binh mà thôi. Dùng binh để giữ nghề buôn, dùng nghề buôn để nuôi binh, nên chính-đến việc thông-thương là cần cấp hơn.

Gần đây nước Nhật-bản bắt buộc Thái-tây thông-thương khắp các nước, nước Tàu cũng làm theo cách ấy, lần lần cường-thịnh được.

Hoặc có kẻ nói vật-sản nước ta vẫn nhiều như vàng, bạc, than, mỏ người thông-minh cũng đông nếu hay gắng sức mà làm thì việc giàu mạnh cũng chẳng khó gì. chỉ vì vẫn thơ phiến quá và việc làm hay sai-nệ lắm thôi.

Tôi không biết là Ngài phán như thế nào,

Tháng ba năm Nhâm-nọ (1882) người Pháp Vi-ê (Henri Rivière) đánh thành Hà-nội và quân Pháp lần đầu đánh lấy cả đồng bằng Bắc-kỳ.

Tháng sáu thời vua Tự đức băng-hà.

Trên đây, tôi trình bày một ít tài-liệu thuộc về đầu-đề mà tôi đã nêu ra ở đầu bài: đầu-đề rộng mà tài-liệu lại biết thời rất ít!

Đã vậy, ta cũng tạm hiểu được ít nhiều điều.

1. — Từ bài điều-trần của Nguyễn trường Tộ năm 1863 đến thời của Lê Đĩnh năm 1881, đã có 18 hay 20 năm lịch-sử. Giai đoạn lịch-sử này khởi đầu là sự thất bại năm 1862, nhượng ba tỉnh Nam-kỳ cho người Pháp và kết-liệu là sự hạ thành Hà-nội lần thứ hai do

người Pháp Vi-ê. (Vua Tự đức băng-hà ngay mấy tháng sau)

Vậy sẽ dĩ có nhiều người điều-trần như Nguyễn trường Tộ năm 1863, Đinh văn Diên năm 1868, Nguyễn hữu Độ năm 1875, Nguyễn Hiệp năm 1879, Phan Liêm năm 1881 và Lê Đĩnh cũng năm 1881 — đây là k ông kể những người có điều-trần mà tôi không-biết — là tại nước ta lúc bấy giờ qua một thời kỳ rất khó khăn vì thấn nền tự chủ của nước nhà bị lung lay quan và dân đã nghĩ tới sự chống đỡ. Họ đã bị hoàn cảnh đánh thức vậy.

Nhưng nếu họ đã không nghĩ tới sự duy-tân nước ta trước năm 1862, thời họ điều-trần có chặm không?

Trước năm 1862, họ không biết rõ sức mạnh về binh bị của người Pháp như thế nào vì sự Âu-học không được mở. Vậy ta không nên trách họ là đã chờ tiếng súng nổ ở Nam kỳ mới tỉnh dậy. Trái lại ta có thể bảo rằng họ đã hiểu thời thế một cách nhanh chóng, thứ nhất đối với Nguyễn trường Tộ năm 1863. Chỉ Triều đình là vẫn u-mê mà thôi

2. — Nhưng họ đã điều-trần về những khoản gì?

Sau này nhờ sử-lục sẽ xem kỹ từng bản điều-trần một Ta tạm biết là có mấy khoản chính sau này:

Một là: mở rộng sự buôn bán học tập tiếng nói và kỹ-ngệ cơ-xảo ngoại-quốc, mở các mỏ, n ở người Thái-tây qua đây... nghĩa là Âu-hóa nền văn-minh của ta và lập cho nước nhà một nền kỹ-ngệ.

Hai là: kết với nước Anh làm viện hay hòa với các nước, theo như người Xiêm, chính đốn việc binh bị của nước mình.

Khoản thứ hai có liên-lạc mật-thiết tới sự giữ nền tự-chủ ở Trung và Bắc hai kỳ còn khoản (Xem tiếp trang 16)

(1) Năm Canh-ngọ (1870), tháng giêng viên Pháp Soái ở Gia-định đưa thư mời nghị định ước mới sau khi cả Bắc Nam-kỳ đã nhượng cho nước Pháp). Ngài truyền hỏi Tổng-đốc Bình-Phá Thân văn Nhiêu và Tổng-đốc An-Tĩnh Hoàng-lã-Vám Hai ông đều trả: « Xin đưa thư cải lễ và xin nhờ các nước hỏi - đờ y làm chứng — như các Trấn-mục ở Hà-châu, Hương-công hoặc các nước bên Thái-tây — để cho nhờ hòa-ước được chắc chắn. » Đinh-thần là Trần-kien-Thanh đều trả: « Xin đợi nước Pháp đáp thư lại mới hiệp sự cơ lại xin đợi định nhờ ước rồi giao cho quan khâm-sứ thương với viên Pháp soái » Ngài y theo vậy Ngài đã xử khéo hay vụng?

(2) Ngài sẽ dĩ có óc không-chiến ấy vì Ngài sợ người Pháp từ Nam-kỳ sẽ ra đánh lấy cả Trung, Bắc hai kỳ nữa

Cuối năm Tân-tý (1881), Đường đình Canh tới Kinh, quan Thương-bộ Trần thục, Nhấn khấn tiếp có nói rằng « Quan Khâm-sai nước Tàu tới trú ở nước Anh lên là Tăng kỳ Trạch có báo rằng Lãnh-sự Pháp là Thoát-Lãng đã xin đem một hai ngàn quân đánh lấy đất Đông-kinh nước Nam, Nghị-vi? - Pháp đã y rồi, nay mai sẽ đem binh Pháp qua và các đạo binh ở Tây-cống đến một lần đánh thẳng tới dưới Lưu-binh-Phá: chẳng qua thóc từ đó thôi. Nước Nam nên chóng bàn mưu mà giữ nước

Đáng như nhờ Đường đình Canh nói, tháng ba năm sau Nhâm-ngọ 1882, Vi-ê (Henri Rivière) đánh hãm thành Hà-nội.

HÀ - THÀNH NHÂM - NGỌ LỤC

(tuồng cổ)

Số 2

Khất-sinh ĐƯƠNG-TỰ-QUÂN dịch

Dũng Long ra, cùng ca :

Trực bắc quan sơn kim cồ chấu,

Chữ tây ra mã t t t t t. (1)

đến chỗ quan Thượng nói :

ạ, đời có việc chi,

Long, Dũng t t t t t vô thân mệnh.

Quan thượng nói : Ờ, quân ấy nó cố vì hòa

mệnh, hễ hôm xưa đã hạ chiến thư,

hỏa tốc bắt đặc kô ri,

Hai người phải theo ta ra trận.

Long, Dũng nói : ạ, nó thế thì ai không giết

xó thế thì ai không giết,

Việc chinh tây tình nguyện thân đương

Đem thân này ra dám chôn rường,

Số tị lực đã mấy người đương được tá ?

Quan thượng cười nói : nói nghe cũng khá,

nói nghe cũng khá, cho hai người ra truyền lện

hạ truyền hính phổ phải dọn cho mau

Long, Dũng ra, nói : lệnh quan lớn truyền

phải dọn cho mau, dọn cho sạch, để lấy lện

hính sung, ở dưới sông các tằm bô kéo lên mau

ngược mà đóng, kéo ngày mai có trận giao công.

Một người ra nói : anh em kiếm lối đi thông

ngón phá cách chăng ?

ca : Xim xim bờ đả, xim xim bờ đả,

Cái đả, ờn ta nó kã còn đó đả na,

Ở trên ngói đã có ông bà,

Chỉ mà chẳng đặng, mớ mà chẳng xong

nói : lệnh quan tây tra tằm xe đi dầm đập,

ngựa kéo dầm dầm, truyền đến thủy hỏa sung

đồ g, các sà-lúp tằm reo trái-phá, thiên lý kinh

chiếu giữa thành mã nã ; bao nhúm Minh lập cu li

« tuốt tuốt » cả theo ta ; nào quân Ả rập lính Lãng

xa, ngựa « áp xanh » hễ cho vài cắc. Kéo lên

cho chóng, lện tằm gác cửa thành mã đóng, sung lực

lện nã khắp các d m b. Bắn che đó phá sạch tan
tành, hễ thắng trận rồi ta từ nhà nước, các cửa
thành hễ quân nào lên được trước, thời quân
công đã có mễ-day.

Giao chiến một hồi, quân tây chết cũng
nhiều ; cử Dũng múa dao chặt luôn ba thủ
cấp, nó :

Vừa mới ra tay siêu một lát, chém lện ba
quắc (2) ; vì nước trừ giặc, ầu ta đem về nộp
quan lớn lấy công.

Tay cầm 3 thủ cấp ca :

Bắc cực triều đình trung bất cải,

Tây sơn khấu đạo mạc tương sâm. (3)

Vào trình quan thượng nói : ạ, vừa mới
ra tay siêu một lát, chém lện 3 quắc, vì nước trừ
giặc, ầu tôi xin đem về nộp quan lớn lấy công.

Quan Thượng cười nói : Ờ, cử Dũng, cử
Long giỏi, giỏi thiệt, rượt thắng trận ta hãy tạm
khao mười chén rồi ta mở cửa xuất chiến đề
quân này nó biết tay ta

Long, Dũng nói : dám xin quan lớn đừng ra,
ta bằng cứ kiên thành cố thủ, chờ nó đến ta
châm quắc tằm hơn.

Lại giao chiến vài hợp, quân tây bắn
trắng cử Dũng cử Long vực lên khóc nói :

Tiểu thay trí dũng có thừa

Hàm thiêng khi đã xa cơ cũng hèn.

Ba quân đông mặt trận tiền,

Sao mà chẳng đợi khải hoàn hễ anh ?

Cường-di dồ nó tung hoành,

Ngọn cờ ngợ ngắc trống canh trở trắng.

Đương khóc, thấy kho thuốc súng cháy
lên ngàn ngọn, đến chỗ thượng quan nói : ạ,
cấp báo, cấp báo, kho thuốc súng vô cắc cháy lên

ngàn ngụi, hẳn quan tây nó có nội-công, xin ông lớn tìm đường mà chạy.

Quan thượng nói: nói dẫu thế ấy, đạo nhân thần ta phải chỉ trung; âu ta về bãi tạ hành cung, rồi ta sẽ mưu đồ tái cử.

Vừa đi vừa ca: Thiên môn vạn lý tình thần viễn,
Nhất tiết cô thần nhật nguyệt minh (4)

Lại có người vào báo: dạ, tôi trông lên các cửa thành, mặt cửa tây, tây lên trắng xóa cơn mây gió không nên thông thả, xin cụ tìm đường mà tháo chỗ mau.

Quan thượng nói: Sự thế đảo đầu, nào võ m ấu ở đâu? cùng ra đó để tạ hành lễ.

Đi ra, ca: Thạch bi nhất phiến cương thường lộ,
Đình thụ thiên điều tiết nghĩa dung. (5)

nói: đây đã đến miếu Nguyễn công, vào hành lễ rồi, ta tự tiện.

than: quân thần chi phận, dám dẫu mưu lấy phận hầu sinh, như đôi vầng nhật nguyệt chỉ minh, chiếu xích tâm cho tôi được thề nguyện tòng tiên thần Nguyễn-Tri Phương tr địa hạ. Tôi xin tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương, gác cò thêu, mỗi cương thường, ba-trung lột treo gương còn đồ đó. Tâm phi thủ thổ. Thối thì tôi dũ thành càn vong, nhân thần cho vẹn chữ trung, gãi cùng nhật nguyệt, tỏ cùng nước non.

Tự bản, một người ra: chẳng dẫu chi, đội nhất tuần là mế, hẳn quan lớn từ thoả 13, chỉ một nghề trắng chói người ta, hễ vô phúc thời gặp tay tôi, nào kim cạp, gông cạm, treo kẹp, anh nào mà khảo chẳng phải sưng, cứ một mực kháng kháng, nghề tung hứng đã bọm già đồ đó; trên ba dảnh, dưới cho đến các thầy huyện thầy phủ, ông nào khó tính, tờ lụa cũng xong-vô sự bất thông dong, khi năm khố nh năm na khỏi thuốc, rồi vớ được anh nào tở lại gông, tại công lại trời, chả chuyển sai nào không có anu thất thổ vong gia; nghe quan lớn ta ngai tự tiện ở đầu ban này, anh em ta hãy đi thăm ngài cho phải đạo sư sinh.

ca: Nhắc trông thành quách tan thành,
Giã thù non nước đã đành về dân?
Thương thay t quan lớn đi đầu đồ
thương, đề nhớ đề sầu chạ-ai?

một người nói: Kia ai như quan lớn tự tiện ở gốc cây kia; hiện một lễ tạ vào quyền thần. (6)

một người nói: bác ơi, hỡi bác lễ xong rồi chia phần hay tạ đánh chén,

Quan hạ ra, cười, nói: hể tự tiện, hể tự tiện, nhờ phúc nhà thoát khỏi nạn này, nào trở đầu hay, sắp đống cháp, ta về thành tạ ngh, đũa nào đi hể cá: quan dẫu đó, rằng quan tây người cũng rộng dong, tội chi mà lúng túng mãi không song, ra đầu thú hẳn người không giết đầu, nhưng bằng cố ý chớ biệt, ai người luận cho trên giả làm tội.

Quan bổ nói: nghe quan hạ nói, ta cũng lại muốn ra làm quan, chẳng biết rằng người nói thực hay nói dối, ra mà phải tội, sao bằng ta hãy lánh một nơi, nghĩ đó thành thôi. Sách có chữ: Đào vi thương sách, dương con khôn. ách, tránh ông voi có sấu mặt nào!

Bà bổ nói: Ông chạy đầu? ời tôi cũng theo, nào quân chiến tâm sắp xúng cở xẩy mười đôi bồm gánh, đóng đờ vào ta chạy theo ông.

Một người nói: hể đòi quân chiến tâm bà hay đòi quân chiến tâm ông?

Quan đề đốc ra nói: nhân thần chỉ trung, hay là trở hay kiểng thuốc độc đề ta cũng đi tự tiện.

Bà đề nói: Xin ông đừng quá phần, tội thối chi mà nữ hoài thân đi? Chết có hơn gì? Vả thuốc độc chỉ tôi ng ể xốt ruột, sao bằng ông hãy chờ bữa mai bữa mốt, rồi ra hẳn có c ỉ trầu-đinh, cứ sử phần m nh. T ươ g tuổi tác tốt lành ông n ệ ội, can chi mà về? rồi hãy giờ ông lại đời tội, lập công.

1) Nghĩa: Trống dục non sông chưa báo kịp.
Thư sai me ngựa đẹp lấy mau

2) Đản giã

3) Trữu đình cỡi Bão không thay đổi, giã cườ non 14g dùng lẫn sẵn

4) nghĩa: cửa trời muốn hãm trảng sao ta đẹp tiết đối xứng nhật nguyệt soi.

5) diễn: giọt lệ xương thường bị đá tạ, nghìn cây ở sập đáng tiết nghĩa.

6) chôn tạc

Các quan sát. hai cô thanh lâu ra nói :
quan tây người đã vào thành, chị em kiểm lối ta
đi tảo bực.

Ca : Chưng tình một mảnh con con,
Tàu lùa cũng lộn, Tây khuôn cũng vờ.
Duyên em sắn đó bao giờ,
Nhưng tờ hồ hững hững hồ mà sinh.
Chẳng qua vị cái hũu thanh...

Xưng danh : ô vậy, chả dẫu chi, chị em tôi
sinh trưởng chốn lầu xanh, chỉ một nghề tở son
điểm p' ăn, cả p' ong lưu đã dành có phật, nhưng
mà tính ra không tồn hết bao nhiêu, mười điều
thuộc phật, rằm câu chửi, ợa kiêu, đánh chết một
những phường tai mặt, kiểm ăn thời nghề này
độ nhất, lại da na một thứ hoa sò, bao nhiêu
các chị nhà quê, sớ sang ra là theo tôi tất cả,
nghe quan tây người tiến lối thành đã phá, chị
em tôi sắm sửa áo quần, đạo qua ta chơi một lát,
muốn hoa sò thời « rập tên » người phật, lại
xanh xanh cho thỏa kiếp chơi xuân.

Một lũ lính tây và hai cô thanh lâu gặp
nhau, truyện trò soán sít và đùa bỡn, hai cô ca :
Duyên xưa kết với ông Đồ,
Bây giờ run rẩy lạ vớ « cận tên ».
Chẳng qua là táu tống tề, tề,
Nọ là núi c'ỉ sông nguyên với ai ?
Kia kia khóm liễu Chương-đài...

Hai cô vào, một người ra nói : anh em kiểm
lối đi đưa thư vào Quảng cho bà Hoàng, phải
cách chăng ?

Hát một khúc rồi nói, A, Hà thành có việc
ông lớn người tảo tể đi rồi, tôi vắng đưa tin về
trình bà lớn biết..

Bà thượng xem thư than : cơ trời khe khắt
bổng đất bằng nề trận phong ba,
Người đã đem thân tuấn quốc gia,
Chữ thân đạo dành rằng phải thế,
Nỗi sầu này nói sao x ết kể,
Sầu thương thay tử biệt lúc bao giờ ?
Nói : nào thì tỷ, trình cụ cố đề ta ra thăm
quan lớn.

Cụ cố ra, khóc nói : Con sao nữ vậy ? đã
dành rằng không dám bội quên ơn, ở nhà còn
chút lão thân, sao không thấy có lời nhủ lại ?

Than : Vầng hồng soi tỏ lổ son,
Vua tôi nghĩa nặng, mẹ con thêm tình.
Bà thượng nói : Xin cố nghĩ nhà thông thả,
đề con ra thăm chuyện tỉnh Hà,
Ca : Đất bằng nổi trận phong ba,
Cây cao cả gió, huyền giả giải xương.
Thương thay muốn đem phật tang,
Cổ xanh sơ sắc, lá vàng ử ử.

Quan hầu nói : Đây đã đến tỉnh thành, mà
quan lớn ở trong vũ miếu.

Bà thượng vào thăm mã, khóc :
Ôi thương ôi ! là bởi vì đâu, nên nổi nước
non này ? công 10 năm bỏ lại một ngày ; tấm
trích liệt sao trời nữ-phụ ?

Trên huyện thất tuổi già lạ khự.
Còn nhiều điều ý vọng môn lưu,
Ơn quốc gia gặp lúc bây giờ,
Người đã vậy, dĩ thân hứa quốc,
Mẹ già đau bực, thiệp biết sao phụng được
từ-thân ?

Trong hải lĩnh tìm vào mây trắng,
Ngoài Nhung Sơn lắng lặng bụi vàng,
Đã quốc sĩ lại gia mang,
Con còn bé, thiệp biết làm sao được ?
Thời thời dành phận trong khuê các,
Ấu là ôi sấm một lẽ chiều hôn
Rước quan lớn về tới ninh thổ (1)
Nói : Trẻ bay đầu, đi mời thầy thiệp vào đây
đề ta phục hôn quan lớn.

Quan hầu : Dạ.

Thầy thiệp nói : Phen này ăn lớn, phen này
ăn to. Chẳng dẫu rai, tôi thầy thiệp phổ đồng
xuân, tiếng cao tay đến khắp các phố đã dân.

Bao dân vật về tay tôi hết cả, nào đạo tràng,
sắp sửa theo thầy tể cả, đề ta đi làm đám
quan Hoàng, người chức trọng quyền cao, đám
quan lớn thời ta phải có phen nay oản vô số,
chê vô số, thầy tớ ta được bữa no say.

Ca : luật linh, luật linh, theo thầy,
Phai phai chỉ quý cao tay thông huyện,
Trên tam bảo, dưới năm tuyền,
Tìm đâu thời cũng nên tiền thấy ngay,
Nói bà thượng : Dạ bà lớn đòi chúng tôi

1) Chén.

đến đây sắp đàn viết cho thầy sai tĩnh, nào thầy thống, nào tiên, nào cảnh, sắp ra cho chỉnh, ai ngồi đồng vào để thầy xem.

Một người vào ngồi sai rằng: Lôm lôm chừng lôm lôm chừng.

Thầy sai quan tướng đi đâu?

Hồn ở đâu đó đi tìm về đây?

Thầy sai quan tướng đi ngay,

Hồn ở đâu đó đi ngay tìm về.

Thầy sai quan tướng đi về.

Lễ vật chút hết, oản chè vào bao.

Tan đàn, một thị vệ ra nói: Phương cấm thần cáo, long trâm nhậ lệ, ơn vua ta là nhất đẳng thị-vệ, trái mấy phen của mệnh khám sai, đánh mặt làm tra, thôi cũng thỏa đời nhân thế, nào ăn phi ngư phá mấy rạm, phong hành lời độ, sắp cho mau ta tới tịam Hà, phụng ân chiếu lạng phong quan Tổng đốc.

Ca: Quan sao muốn dận công pha,

Nhác trông thành quách ngõ là gấm thêu,

Đến cửa đường xá dập diu.

Sớm khuya liêu đóm hoa báo sinh ghê.

Nói: Đây đã đến Hà thành công quán,

Mời các quan ra có chỉ triều đình.

Viên chố đại nhất tiể cô trĩnh

Phụng ân chiếu lạng phong binh lệ.

Nào vũ mầu ở đâu vẫn đó,

Phối tự vào cáo tổ võ trang thần.

Nhĩen Tồn thần thánh quân,

Che dụ tể tiết dận nhất thứ.

Còn các quan đầu nữa, phụng Triều đình
có chỉ xử phân

Quán hầu chào, ca:

Nghiêu Thuần quân, Nghiêu Thuần dân,

Nước non Nam Việt, thánh thần Đường Ngu.

Thành cung vững lối hoàng đồ,

Dân ta hích nưống (1) kang cũ như xưa.

Aah em kiểm tể dể trê.

Ca: Trăm năm trong cõi người ta,

Chặng qua mứa đổi dể ra một trê.

Biết ai người trí người ngu.

Người lương người xá dể cho sau hàn.

Khải Sinh

ĐƯƠNG TỰ QUÁN

1) Kịch nương là gỗ phách đi đường kang cũ mà hát. Đời vua Nghiêu nhà Đường, trong nước định trị, nhân dân vui vẻ như thế.

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 9)

Đây là đối với nước Tàu, còn đối với Chiêm-thành, trên này vừa chép « tháng ba năm 1177 quân Chiêm vào cướp châu Nghệ-an ». Không thấy sử chép ở ai đi đánh, chỉ thấy sử chép « Tháng ba năm 1184, Chiêm-thành đến cống » (Toán-thư q. 4, tờ 20a). « Tháng bảy năm Mậu-ngọ 1193, Chiêm thành lại sai sứ sang cống và cầu phong. Tháng mười năm sau, vua ngự Thanh-hóa bắt voi, nhân sai sứ phong cho vua nước Chiêm-thành » (Toán-thư q. 4, tờ 22 b).

Tháng bảy năm quý-hợi 1193 chức điện tiền chỉ-huy-sứ trị châu Nghệ-an là Đỗ-Tĩnh và chức châu-mục là Phạm-Điền-tâu rằng: « Quốc-chủ Chiêm thành là Bồ-trì (Suryavarman II) bị chửi là Bồ-Điền đuổi, nay đem thuyền cầu vợ con đến đậu ở cửa hồ Goria (nay là cửa hồ Kỳ-anh nhượng), ý muốn cầu cứu. Tháng tám vua sai Đàm-Dĩ-Mông và Đỗ-An đi kinh lý việc ấy. Sắp đến cửa Goria, Đỗ-An nói rằng: « Kể ra đem quân đến, tinu giết khó in Tục ngữ có câu « ở có võ cò, ngọn lửa cháy nhà » nay Bồ-Trì là người là tổ tiên và họ lửa mà thôi ». Dĩ-Mông đem lời nói ấy báo Đỗ-Thanh và Phạm-Điền nên phòng bị sẵn. Bọn Đỗ-Thanh nói rằng: « Kể ra đã có nạn đến cầu cứu thì còn ngại gì nữa? » Dĩ-Mông giận đem quân về. Bọn Đỗ-Thanh và Phạm-Điền hàng nhau đánh úp Bồ-Trì để làm kế tự-toan nhưng mưu tiết lộ, bị bọn Bồ-Trì giết, dân Nghệ-an kinh hãi bị võ chửi võ kể. Bồ-Trì cướp học thật dữ, rồi võ (Khâm định, q. 5, tờ 29 b. Toán-thư, q. 4, tờ 23 b).

Năm nhâm-dân 1182 nước Tiêm la sang cống (Toán-thư, q. 4, tờ 19 b). Năm giáp-thìn 1184, nước Tiêm la và nước Tam-pật-tề có thuyền buôn vào trấn Vân-dồn, dâng phương-vật, xin buôn bán (Toán-thư, q. 4, tờ 20a). Mùa xuân năm tân-hợi 1191 nước Chân-lạp sang cống (Toán-thư, q. 4, tờ 21 b).

Năm Nhâm-dân 1182, đắp đàn phong tường, phong Ngô-lý-Tin làm thượng tướng quân, đem quân thủy quân bộ đi tuần bắt trộm cướp (Toán-thư, q. 4, tờ 19 b).

Tháng giêng năm quý-mão 1183, cho Ngô-lý-Tấn làm đốc tướng đi đánh Ai-lao (Toàn thư, q. 4, tờ 24a).

Năm nhâm-tý 1192. Người ở giáp Cổ-nông, châu Thanh-hóa làm loạn, dẹp yên được. Nguyên trước có người ở giáp Cổ-biêng thấy vẽ chân rầu (?) ở trên cây am-la (tức cây chuối, chữ Tạng là hương - cái quả, gốc quả là Tạng). Người ở giáp là Lê-Vân xem rồi nói: "Chân rầu là vật ở dưới, nay ở trên cây, thế là rầu đến dưới đất rồi!". Rồi cũng nhau làm loạn, dẹp yên được (Khâm-dịnh, q. 5, tờ 24b).

Năm mậu-ngọ 1193. người ở làng Cao-xá, châu Diên-lĩnh, là Ngô-công-Lý chiêu tập bọn vạ-lại ủng người Lào, Đại-làng là Đinh-Khả và Bùi-Đỗ cùng thời làm loạn. Đinh-Khả tự xưng là con cháu Đinh Tiên hoàng. Ủng hộ bọn họ-dân theo như cũ. Vua sai đến là vua, vua bắt buộc đem binh đi dẹp (Khâm-dịnh, q. 5, tờ 26b-27a).

Tháng chín năm 1203. người châu Đại-biêng làm loạn. Nguyên người châu Đại-biêng là Pải-Lang và Bắc-Lương lên cửa quyết tâm rằng: "Đem Di-Mông có tội làm một nước tại dân Di-Mông tức giận, cho người đánh bọn Pải-Lang. Bọn Pải-Lang từ bấy giờ đến nay, nên tiến-bộ sâu khi muốn ở loạn, là dù nay làm phản. Vua sai chức chủ-tân là Trần-lệnh-lịch làm nguyên-soái đem quân đi đánh. Rồi lại sai thượng thư là Từ-anh-Nhi đem người ở châu Thanh-hóa cùng thời tiến lên đánh nhau với Pải-Lang ở Ứa-sông (tộc-bộ huyện Yên, chưa biết địa-cử nào). Quan quân nhà vua, Trần-lệnh-lịch và Từ-anh-Nhi

đều chết (Khâm-dịnh, q. 5, tờ 30a, Toàn thư, q. 4, tờ 24a).

Đến tháng giêng năm sau 1204, sai Đỗ-Vinh-Tu đi đánh châu Đại-hoàng cũng không được (Khâm-dịnh, q. 5, tờ 30b, Toàn thư, q. 4, tờ 24a).

Tháng ba năm Ất-sử 1105, bọn thổ-mã nhà Tống ăn cướp ngoài biên. Quan quân đi đánh, tiêu-dân người thì chạy trốn, người thì đi họp, thành ra kiệt sức, trộm giặc dần dần lại lên. Đang lúc ấy vua sửa sang xây dựng không ngớt, chơi bời quá độ, nghe ngoài thành có giặc, giả cách là không biết, chỉ bắt nhậm của cải, cho nên bề-lội phần nhiều bản quan chuộc ngục, không thương xót gì cả. Tịch-vua lại sợ hãi, lễ nghi tổng sắp là đặt mình, ban-huân là Nguyễn-Dur tự nói bất-truật cảm-sấm! Gặp hôm giờ có sấm, vua sai Nguyễn-Dur làm thủ-rơm. Dur ngựa mất lều trời, đọc thần chú, nhưng sấm càng dữ, vua bèn gào: "Sao thế?" Dur thưa rằng: "Tôi đem phép-thần để tạ tội. Vì trời cao cho nên bản, nhưng bao như thế!" (Khâm-dịnh, q. 5, tờ 30b, Toàn thư, q. 4, tờ 24b).

Lúc ấy rơm gạc đổ lên như ong, nên láng-giêng năm đinh-mão 1207, vua xuống chiếu tuyên những ra-ra g-rong nhân-linh sung quân ngũ, sai quan các lộ thâu-quản để bắt rơm giặc. Tháng mười năm ấy, bọn sơn-mã ở núi Tân-vân châu Qóc-oai, đến cướp làng Tháo-oai, quân chúng rất mạnh, không thể trị. (Khâm-dịnh, q. 5, tờ 31a, Toàn thư q. 4, tờ 24b-25a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-Ồ

SỬ LIỆU

(Tiếp theo trang 11)

đầu là đề duy-tân nước ta, đặt ta lên con đường tiến-bộ của các nước Thái-lây, con đường mà nước Xiêm, nước Tã, nước Nhật đã theo trước ta vậy.

3. — Triều-dinh có thể thi-hành những khoản ấy được không?

Xét ra nhời điều-trần chỉ nói về nguyên-tắc sự cải-cách, chắt không nói tới các chi-tiết thi-hành cho nên triều-dinh do dự, nhưng lý-chính là triều-dinh đã không muốn hay không dám thi-hành, tuy rằng triều-dinh có thể thi-hành được. Mà nếu có thi-hành chắt cũng không chậm; và lại nếu nhà vua cương-quyết theo nhời đề nghị, và các quan kiêu-lé trong các gao thiệp thời có lẽ ta đã được nhiều kết quả tốt.

4. Tại sao biết bao nhiêu bài điều-trần đều bị gác bỏ?

Có nhiều lý.

Lúc đầu, vua và đình-thào không tin ở sự trực lòng của Nguyễn-trường-Tộ và Đinh-văn-Đền (và chắt còn của nhiều người khác nữa) vì họ là gáo-dân, vì họ đã đi theo tên gáo người Pháp.

Sau này, sự xin chuộc ba tỉnh Bắc-nghĩa, Quảng-trị, Định-bảng không được và sự bị ép nhượng ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang là còn làm cho vua, quan ta chỉ lo lo sợ khôi phục đất cũ hay sự giữ đất còn thừa bằng cách chống cự bằng sự chiến tranh. Như thế thời họ thi-hành những

nhời điều-trần thế nào được, tuy rằng nghĩ tới sự khôi phục, nghĩ tới sự chiến-tranh lúc bấy giờ là dễ dãi thêm cho lửa cháy từ Nam ra Bắc.

Muốn thi hành những nhời điều-trần lúc bấy giờ, phải có một ông vua rất can đảm mà nhìn sự thật và rất có nghị lực, oai quyền để bắt các quan phải theo mình.

Nhưng vua Tự đức, trái lại, thường ép mình theo điều-trần.

Và lại, trong tâm ý Ngài vốn ghét người ngoại-dương. Ngài có phê vào một bài văn rằng: « Ta vốn không muốn người ngoài đến » !

5) Ta cũng lại nhận rằng những người điều-trần này là thường dân, hoặc là những quan nhỏ, ít được tin nhận. Trần-tiến Hoàn, Binh bộ Thượng thư năm 1862 là người rất đồng ý với Nguyễn-trường-Tộ nhưng không phải là người có đủ nghị-lực chống lại với vua và định-thần sẽ cho chính sách của mình được thi hành. Vâng những nhời điều-trần hay hướng-đạo đã không phải là những « người hoạt động » có đủ tài, sức và can đảm để đi dắt hay bó buộc vua phải theo mình. Sao nay chỉ có Tôn thất-Truyết và Nguyễn-văn Tường là thuộc vào hàng người này. Các người điều-trần chỉ là những « người lý-thuyết », mà thôi và họ cũng không làm nổi lên được một phong trào trong dân chúng: Đối với một triều-đình mà mười lăm triệu dân là họ bị thất bại vậy.

NGUYỄN-THIỆP-LÀU

Sứ mệnh về ai ?

(Tiếp theo trang 3)

hưng bị phong trào. Ngay hành chính mở rộng, tăng thêm những chức vụ văn võ, rồi các chợ phiên, các hội thể thao, học sinh, già rồi, cô tạo cho ta một mô, Tự do dân chủ gả hiệu.

Song cũng khủng bố, dân ta như say, máu càng hăng, và càng mua chuộc tuyên-bào hay thì sự áp bức bóc lột dân chúng càng khốc liệt. Đến nỗi, rồi dân chúng chết đói hàng mấy triệu người, mà cả dân hàng được cũng có mua chuộc cũng làm cảnh quần áo không đủ mặc, cơm không đủ ăn, cần thế mong cách mệnh như khát nước, chúng không bỏ nhưng không lại được mà chúng cố bưng, nhưng bưng mãi dư cái nhỏ, đến độ nó là vô dụng. Trước bối cảnh này chính đã nêu ra rằng ông chủ trí thức phải là nhân: « Tinh thần » (b) này mà chưa cách mệnh là nghĩa lý gì ?

Cái việc người ta nóng ruột chờ đợi đến và đến bỗng như lửa cháy. Sự việc đã dĩ nhiên thế không còn a không biết và không hiểu, và trong thời gian ấy, ta đã thấy cái chiến sách gian xảo và hiểm độc của quân Pháp đã làm một chỗ tử vong, cổ nhân một đồng nước lớn mà không sao ngăn được.

Cái bài học ấy chúng ta đã biết và quên Pháp không phải ngu gì ?

Cho nên, lần này chúng nó làm lại đặt chân lên đây, ta có lẽ hiểu trước cái thủ đoạn thâm hiểm và sâu độc của chúng.

Bọn De Gaulle đã tuyên bố, vẫn đề Đông Dương là vấn đề sinh tử của Pháp.

Phải, sinh tử của chúng thực !

Vì ta đã biết hiện chúng sau sáu năm chiến tranh, đang khốn đốn chết đói, chết khát gần hết giống, cho nên chúng định sang đây để bóc-xương, bóc lột ta, đem về mà bù đắp. Các bạn đã rõ chưa ? đang sống được với chúng lần thứ hai chứ không nói là còn quần áo, nhà cửa xe ngựa, tiền sửa được với chúng. Cho nên ta phải hiểu, nếu đã không từ chối giữ lấy nền độc lập, thì ta chỉ còn có hai cách: hoặc là hòa hoãn với họ, hoặc là chiến đấu. Từ xưa đến nay, từ hàng ngàn năm trước đến nay, từ hàng ngàn năm trước đến nay, chúng ta phải đấu kết chặt chẽ, tranh đấu cho nền độc lập. Bởi các bạn, các cô, bây giờ không phải lúc nào chân như vậy, cũng các bạn, cũng nhiều quyền lợi phải bành vực; các bạn phải là những người tiên phong của cuộc chống xâm lược hiện tại.

Còn giới trí thức, thì đây cái sứ mệnh của các bạn từ trước đến nay có bao giờ các bạn từ trí thức không ? Mà nếu các bạn bỏ bưng để xảy sự nổ mìn, bởi các bạn có trách được sự không hiểu biết để trả thù cho quân phát xít, thấy mình đã mất: ở xem bao nhiêu phương cách mà sao trả mà chưa được.

Tư sản và trí thức, các bạn là phần tử liên phong, vì cái đoạn liên sự này là giai đoạn của các bạn. Thành ra các bạn là người thừa hưởng nhất, và trả lại các bạn cũng là người phải bị xử trước nhất. Luật theo định luật sử dụng rằng các bạn phải hoạt động thì không lý gì các bạn tránh được sứ mệnh và thoát được phong trào.

Nghĩ kỹ xem, ý dân là ý trời. Phận sự ai ? Quyền lợi ai ? toàn kết cho chết và chúng ta phải đấu.

KIẾN XƯƠNG

GUỒNG MÁY NỘI TRỊ

(Tiếp theo trang 6)

Guồng máy hành chính

Sau khi trình bày căn cứ về chính sách liên hiệp quốc gia của Chính phủ, ông Bộ trưởng nói tới bộ máy hành chính của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Hiện giờ Chính phủ căn cứ vào ba điều cốt yếu.

1 — đem sự tỏ chức mới

2 — trả tự

3 — tổ thành chính sách của Chính phủ. Bộ máy hành chính gồm có các Ủy ban nhân dân các làng các huyện hay các phủ, các tỉnh. Trong buổi đầu tiên, còn nhiều điều lộn xộn và khuyết điểm. Chế độ quan lại và lý dịch đã bãi bỏ và thay bằng một ban hành chính mới. Đối với các Ủy ban địa phương, hiện giờ dư luận còn loang mang và nghi ngờ. Vì đó cụ Hồ chủ tịch đã viết một bức thư gửi cho các Ủy ban nhân dân vạch rõ các khuyết điểm của các nhân viên trong các Ủy ban:

1 — Tại nhiều nơi, một số nhân viên trong Ủy ban không phải là đại biểu của dân và chưa được phần đông dân chúng thừa nhận.

2 — Nhiều người cậy thế làm quan,ichen thủ trái phép, lạm dụng tư cá lý diện xưa.

3 — Không khóa quan Tiếm, không gần dân chúng, hống hách và ó vớ quan dạng.

4 — Ói hò p à . heo nề đàng ra mà tranh qu ãn cổ vị không nghĩ ói lâu chuang.

5 — Chia rẽ các tầng lớp trong thôn xã, quá chú trọng quyền lợi của một giai cấp mà quên quyền lợi của giai cấp khác.

6 — Kêu gào không chịu nghe những lời phê bình chính đáng.

Ngoài các khuyết điểm đó một số Ủy ban không thi hành triệt để hình sách của chính phủ. Nhiều nơi có tình trạng địa phương mà không theo chủ nghĩa nào cả.

Hơn nữa các nhân viên của Ủy ban không được ấn định rõ ràng nhiệm vụ của họ — công việc làm của họ không được rành mạch. Nhiều khi một người làm hai ba việc lẫn cả quyền tư pháp với hành chính lẫn quân sự với chính trị.

Chính phủ sẽ bỏ bớt các điểm thiếu sót đó để đi tới sự hoàn mỹ. Đề bài trừ các sự nhũng lạm của các Ủy ban, bộ Nội vụ đã đặt ra ngạch

thanh tra chính trị để phải đi khắp các bộ các viên thanh tra để sẽ điều tra các điều kiện ca ở dân gian và trực tiếp với dân chúng để đem sự bảo vệ về tinh thần và về vật chất.

Chính phủ có cho gửi các thông cáo đi các nơi để khuyên nhân dân có điều gì oan ức hoặc muốn thỉnh cầu cứ việc gửi thẳng về Chính phủ trung ương.

Ngoài phương pháp tiêu cực đó Chính phủ còn dùng một phương pháp tích cực như việc gửi những cử tri đi khắp nơi, dùng lời giáo huấn mở các cuộc hội nghị Chủ tịch các tỉnh tại Bắc bộ cũng như tại Trung và Nam bộ, các cuộc hội nghị hành chính họp các Chủ tịch Ủy ban làng huyện có các đại biểu dự, đào luyện các cán bộ gửi về các làng v. v. . .

Bộ Nội vụ còn định rõ quyền hạn của các Ủy ban nhân dân, lấy uế các phần tử thối nát làm hại đến uy quyền của Chính phủ. Ngoài ra sẽ có sự phân quyền rõ rệt để ấn định các công việc của nhân viên trong các Ủy ban nhân dân. Các Ủy ban phải có hai đặc điểm chính:

1 — Thực là đại biểu của dân.

2 — Đảm lãn quyền hành chính và quyền tư pháp.

Hơn nữa nhân viên của các Ủy ban phải:

1 — Có tinh thần phục vụ quốc gia và toàn dân, địa chủ và dân vô sản.

2 — Không được lạm quyền.

3 — Có học thức.

4 — Liêm khiết.

5 — Trừ bỏ thói dễ thói quan liêm của các « quan cách mệnh » cũng tính ăn tiêu xa xỉ.

Ngoài các Ủy ban, cần phải lập nên các tỉnh và các xã kiểu mẫu, để xứng đáng với nước Việt nam độc lập.

Mỗi xã kiểu mẫu sẽ có một nhà Cũn quốc mỗi tháng họp một hay hai lần để bàn về các vấn đề có tính cách chung.

Về việc hành chính ngoài các phương pháp tiêu cực và tích cực, Chính phủ cần phải kêu gọi hết thầy giới trí thức nước ta nên tham gia vào việc ích công để cùng chính phủ gánh vác các công việc.

Cuộc hội đàm kéo dài trên hai tiếng đồng hồ. Ngoài việc nội trị và hành chính ông Bộ trưởng có cùng các nhà báo nói sang các vấn đề thời sự.

PHẠM MẠNH PHAN

QUỐC NGỮ VỚI VIỆC ĐÁNH ĐIỆN TÍN

NGUYỄN ĐỨC PHAN

L.T.S. — Chúng tôi tiếp được bài sau đây xin vui lòng đăng nguyên văn để tặng nhà Tổng Giám đốc Bưu Điện Việt Nam những lời bàn có phần sắc sảo của tác giả — Việc đánh điện tín bằng quốc ngữ rất dễ có sự hiểu nhầm. Một lý dụ người gửi ở Nam ra Bắc báo điện tín: mua 200 tạ dừa. Đánh dấu nhầm người nhận tưởng: mua 200 tạ dừa. Vì sự nhầm lẫn có thể thiệt hại lớn. Chúng tôi cũng như ông ban Ng. đ. Phan mong nhà Bưu Điện nghiên cứu để đi tới một phương pháp nhất định cho toàn quốc.

Về việc cải cách chữ Quốc-Ngữ trong sự thông tin bằng điện-tín là việc rất cần, nhưng theo lối tiếp điện-tín rồi, lại phải có theo một phương pháp (Code) mà chép ra, đánh dấu rõ ràng, gởi cho người nhận (destinataire) thì không tiện, vì trong khi đánh và nhận điện tín toàn là việc của nhai làm rất nhanh chóng, vả lại chữ Quốc-Ngữ phần nhiều là những tiếng ngắn, khi gọi, chần dẫu, thường hay bỏ sót. Theo thói quen, sự ca: cách ấy muốn cho thực hành một cách dễ-dễ mau-chóng thì phải theo một nguyên tắc rất giản-dị, là dùng lối chữ Quốc-Ngữ không sửa-sửa này:

I — a) Bỏ bớt những dấu-mũi (^) trên những phụ âm á, é, ó, mà thay bằng âm-kép (aa, ee, oo) dùng làm phụ-âm, như viết AA thì đọc là Á, EE thì đọc là Ê, OO thì đọc là Ô;

b) Bỏ hết những dấu á (—) và dấu phẩy (') trên những phụ-âm á, ơ, u, mà ghép thêm vô-kép (W) ngay anh âm (a, o, u) làm phụ-âm, như viết AW đọc là Ǻ QW đọc là Ơ, UW đọc là Ơ.

Riêng về phụ-âm Ơ đi liền-nhau, bỏ dấu đi, không cần phải kèm thêm vô-kép (W), chỉ viết nguyên UO mà đọc là Ơ. Thí dụ: viết Chương thì đọc là Ơơơơơ.

II — Dùng chữ x thay chữ đ;

Chữ Quốc Ngữ không dấu

Chữ phụ-âm	Chữ cảm	Năm dấu-chấm (1)
Viết: AA EE OO AW OW UW UO	z d j	s (2) F R X
Đọc là: á ê ó Ǻ ơ u ơ	đ đ Nặng	Sắc Huyền Hồi Ngã

NGUYỄN ĐỨC PHAN

Nhà Tổng Giám đốc Bưu-Điện Việt-Nam

Dùng chữ d thay chữ đ.

III — Năm dấu-chấm (1):

Dùng chữ j thay dấu nặng (•) (2);
— s sắc (´) (3);
— f huyền (˘) (4);
— r hồi (ˆ) (5);
— x ngã (ˆ) (6);

1) — Chữ thay-dấu-chấm nên để sau cùng.

(2) — Trong chữ j nét bút cuối-cùng, nhận thấy một cái chấm (•) biểu rõ hình một dấu-nặng

(3) — Chữ s nhận thấy dấu sắc và nét bút cuối cùng đưa về 'ay-rải' biểu hiệu tượng một dấu sắc. Những dấu-sắc không cần thiết nên bỏ. Thí dụ: chữ Biết, được, đã thành văn rồi không cần phải thêm dấu sắc nữa.

(4) — Chữ f nét bút cuối cùng bằng một cái phẩy ngang đưa về 'tay phải', biểu hiệu hình một dấu-huyền

(5) — Chữ r và chữ q có thể giống hình dấu-hồi thì nên dùng chữ R vì chữ Q khi viết nhanh, nhất là trong khi nhận điện tín không thể tránh khỏi lẫn với chữ g, như khi viết Bang có thể đọc là Bang hoặc là Bân.

(6) — Chữ x biểu hiệu tượng hình một dấu-ngã. (2 dấu ngã chồng lên nhau).

Ban tổng-lược:

1) Chữ thay dấu chấm để sau cùng. 2) Những Dấu Sắc không cần thiết thì bỏ

BÁO MỚI

— Sinh lực tuần báo ra ngày chủ nhật đã ra số 3 — giá 1\$00 Tòa báo 38-Tiên Sinh Hoàng Đều do ông Đào Văn Ngạc làm chủ nhiệm.

— Việt nam hôn tuần báo của ông Lê Văn Trương — mỗi số 1\$50 — Tòa báo : 10 Phố Huế.

— La Republique mỗi tuần 2 kỳ — mỗi số 0\$50 — ở Văn hóa cứu quốc xuất bản.

— Gió L. Ơi : tuần báo của Tổng hội sinh viên — mỗi số 0\$80.

— Văn Mới số 1 đã ra ngày 19-10-45 giá 1\$50 — Ông Trương Tửu làm chủ bút — Tòa báo 71 — phố Tiên Trun — Hà-nội Tuần báo ra ngày thứ sáu.

Xin giới thiệu với các bạn 5 tờ báo mới và chờ các bạn trường thọ.

TRI TÂN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ

(Tiếp theo trang 5)

Lưu-phương, vườn trồng lồng, chú, trúa, ao trồng sen, mô trước đình có hai tầng sơn hai tầng thủy, cho nên lấy nghĩa câu Tri. giả nhạo thủy, Nhân giả nhạo sơn, (người trí vua cảnh sống ngoài nhân vui cảnh chú) mà đặt tên là Nhạo nhạo đình... (Hoàng - việt văn - tuyển, q. 2 g. 25 a) cũng như mấy câu «Phânam nữ Thái - hàng có đất Bàn-cốc. Trong Bàn-cốc suối ngọt mà đất tốt, cây cối xanh um, dân ở đơn thưa. Có người nói rằng: đất quanh trong khoảng hai dãy núi, cho nên gọi là Bàn Có người lại nói rằng: đó là cái hang núi, trong ấy sâu thẳm mà hình - thể hiểm-trở, là nơi nương náu của người đi ẩn, Bàn và là Lý-Nguyên ở đó » trong Bài tựa tiền Lý-Nguyên về Bàn - cốc ông Hàm đã lục đăng ở tr 213-215.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRI-TÂN TẬP-CHÍ RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 209

Tin nhận Bắc	Nguyễn Tường Phượng
Sứ mệnh về ai?	Kiến-Xương
Việt nam văn học sử (XXI)	Nguyễn-văn-Tố
Guồng máy nội-trị và hành chính của Chính phủ	Phạm-mạnh Phan
Những ý kiến về sự duy-tân...	Nguyễn thiện Lâu
Đại nam đặt sự (LXXII)	Ứng-hoà
Hà-thành nhậm ngo lục (hết)	Dương Tự Quán
Quốc-ngữ với việc đánh Điện tín	Nguyễn đức Phan

GIÁ BÁO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Đông Tân — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-dắt — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông kiều — Hải-dương